TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2019/HNST ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm T.H, sinh năm 1987

Địa chỉ: A, khu phố Mỹ K, phường TP, Quận B, TPHCM

Bà Lê Ngọc Q.A, sinh năm 1988

Địa chỉ: B Garden 3, Phú Mỹ H, phường TP, Quận B, TPHCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A được xác lập vào năm 2014, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình chung sống giữa ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2].Xét thấy tình cảm giữa ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Phạm

T.H và bà Lê Ngọc Q.A là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3].Trong quá trình chung sống ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A thống nhất xác nhận không có con chung.

[4].Về tài sản chung: Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5].Về nợ chung: Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6].Về lệ phí việc dân sự: Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A y tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 24/4/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 87/2014, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường N, Quận N, TPHCM cấp ngày 29/10/2014 không còn giá trị pháp lý).

1.2.Về quan hệ con chung: Các đương sự xác định là không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3.Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0026678 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm T.H và bà Lê Ngọc Q.A đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND Q7;
-Chi cục THADS Q7;
-UBND phường 5, Quận 5, Tp.HCM;
-Các đương sự;
-Lưu: VT, HS (TK.Nhân).

Trương Như Thủy